

THE CURRENT SITUATION OF KNOWLEDGE AND PRACTICE OF NURSES AND MIDWIVES ON FALL PREVENTION FOR PATIENTS AT HUNG VUONG GENERAL HOSPITAL IN 2024

Bui Thi Hien^{1*}, Nguyen Van Duong¹, Tran Thu Thanh¹, Nguyen Van Giang²

¹Hung Vuong Hospital at Ho Chi Minh City - 9 Ly Thuong Kiet, Ward 12, Dist 5, Ho Chi Minh City, Vietnam

²Thai Nguyen University of Medicine And Pharmacy -
284 Luong Ngoc Quyen, Thai Nguyen City, Thai Nguyen Province, Vietnam

Received: 23/05/2025

Revised: 08/06/2025; Accepted: 17/06/2025

ABSTRACT

Background: A fall is one of six medical incidents that can adversely affect patients' conditions, increase disability rates, and increase treatment costs.

Objective: To describe the current status of knowledge and practices of nurses and midwives regarding fall prevention for patients at Hung Vuong General Hospital in 2024 and to identify some related factors.

Methods: A cross-sectional study was conducted with 160 nurses and midwives at Hung Vuong General Hospital from March to December 2024. A self-administered questionnaire on knowledge and practice of fall prevention was designed, and SPSS software was used to analyze the data.

Results: There are 160 participants in the study. The proportion of nurses and midwives with full knowledge of fall prevention is 49,4%, and Mean $\pm$ SD = 16,7 $\pm$ 6,5, while Mean $\pm$ SD = 3,81 $\pm$ 0,63 and 87,5% is the percentage of nurses and midwives who get good practice. Knowledge related to the type of training, department, and updating method. There are also connections between practice and department, the number of patients cared for a day, updating methods, and level of interest in fall prevention. There was no association between knowledge and practice in fall prevention.

Conclusion: The knowledge of fall prevention among nurses and midwives remains low, while their practice is relatively good. Enhancing knowledge and practice among this workforce is essential through short-term or continuous training programs. In addition, training programs should be designed to incorporate clinical simulations, and a fall monitoring system should be established based on nursing quality indicators.

Keywords: Fall prevention, knowledge, practice, nursing, midwife.

*Corresponding author

Email: buihien22071992@gmail.com Phone: (+84) 333675835 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD10.2633>

THỰC TRẠNG KIẾN THỨC VÀ THỰC HÀNH CỦA ĐIỀU DƯỠNG VÀ HỘ SINH VỀ PHÒNG NGỪA TẾ NGÃ CHO NGƯỜI BỆNH TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA HÙNG VƯƠNG NĂM 2024

Bùi Thị Hiền^{1*}, Nguyễn Văn Dương¹, Trần Thu Thanh¹, Nguyễn Văn Giang²

¹Bệnh viện Hùng Vương, Thành phố Hồ Chí Minh - 9 Lý Thường Kiệt, P. 12, Q. 5, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

²Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên, Đại học Thái Nguyên -
284 Lương Ngọc Quyến, Tp. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Received: 23/05/2025

Revised: 08/06/2025; Accepted: 17/06/2025

ABSTRACT

Giới thiệu: Tế ngã là một trong sáu sự cố y khoa, tác động xấu đến tình trạng của người bệnh, tăng tỷ lệ thương tật và tăng chi phí điều trị.

Mục tiêu: Mô tả thực trạng kiến thức và thực hành của điều dưỡng và hộ sinh về phòng ngừa té ngã cho người bệnh tại Bệnh viện đa khoa Hùng Vương năm 2024 và xác định một số yếu tố liên quan.

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu cắt ngang được thực hiện với 160 điều dưỡng và hộ sinh tại Bệnh viện đa khoa Hùng Vương trong thời gian từ tháng 3 đến tháng 12 năm 2024. Bộ câu hỏi kiến thức và thực hành về phòng ngừa té ngã tự điền được thiết kế sẵn, số liệu được phân tích bằng phần mềm SPSS.

Kết quả: Tổng số có 160 đối tượng tham gia nghiên cứu. Tỷ lệ điều dưỡng và hộ sinh có kiến thức đạt về phòng ngừa té ngã là 49,4%, Mean±SD = 16,7±6,5. Tỷ lệ điều dưỡng và hộ sinh có thực hành đạt là 87,5%, Mean±SD = 3,81±0,63. Kiến thức có liên quan đến loại hình đào tạo, khoa phòng công tác, hình thức cập nhật. Thực hành có liên quan đến khoa phòng công tác, số người bệnh chăm sóc/ngày, hình thức cập nhật và mức độ quan tâm đến phòng ngừa té ngã. Không có mối liên quan giữa kiến thức và thực hành phòng ngừa té ngã.

Kết luận: Kiến thức phòng ngừa té ngã cho người bệnh của điều dưỡng và hộ sinh còn thấp, thực hành ở mức tương đối tốt. Việc nâng cao kiến thức và thực hành đối với đội ngũ điều dưỡng và hộ sinh là rất cần thiết thông qua các chương trình tập huấn ngắn hạn hoặc liên tục. Đồng thời thiết kế các chương trình đào tạo lồng ghép mô phỏng lâm sàng và xây dựng hệ thống giám sát té ngã qua chỉ số chất lượng điều dưỡng.

Từ khoá: Phòng ngừa té ngã, kiến thức, thực hành, điều dưỡng, hộ sinh.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), té ngã là một biến cố dẫn đến việc một người không chủ ý nằm xuống mặt đất hoặc sàn nhà hay một vị trí thấp khác [1]. Té ngã là một trong sáu sự cố y khoa được phân loại dựa vào đặc điểm chuyên môn theo Hiệp hội An toàn người bệnh Thế giới. Té ngã là nguyên nhân đứng hàng thứ hai gây tử vong do thương tích không chủ ý sau tai nạn giao thông đường bộ và thường gặp ở những người từ 60 tuổi trở lên [1].

Trên thế giới, người bệnh bị té ngã với chấn thương nghiêm trọng bị tính chi phí cao hơn 13.316 đô la

và kéo dài thời gian nằm viện lâu hơn 6,3 ngày, điều này làm cho người bệnh lo lắng, sợ bị té ngã và mất tự tin [2]. Tại Việt Nam, trong một nghiên cứu đánh giá nguy cơ té ngã tại Viện Y dược học dân tộc Thành phố Hồ Chí Minh có đến 64,2% người bệnh cao tuổi nội trú có nguy cơ cao [3]. Người bệnh điều trị trong bệnh viện có nguy cơ té ngã cao hơn những người không nằm viện [4]. Té ngã tại bệnh viện tác động xấu đến tình trạng của người bệnh, tăng tỷ lệ thương tật, tăng chi phí điều trị, thời gian nằm viện, đồng thời làm ảnh hưởng đến niềm tin của người bệnh đối

*Tác giả liên hệ

Email: buihien22071992@gmail.com Điện thoại: (+84) 333675835 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD10.2633>

với bệnh viện và nhân viên y tế. Vì vậy vấn đề phòng ngừa té ngã, phòng ngừa những tổn thương từ nhẹ đến nặng hoặc tử vong do té ngã gây ra là cần thiết trong các cơ sở y tế. Do tính nghiêm trọng này, Bộ Y tế đã ban hành Thông tư 43/2018/TT-BYT quy định người bệnh tử vong hoặc di chứng nghiêm trọng do té ngã là sự cố y khoa nghiêm trọng cần báo cáo bắt buộc.

Là người trực tiếp chăm sóc người bệnh, điều dưỡng và hộ sinh có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc giảm thiểu các sự cố y khoa, trong đó có té ngã. Để đáp ứng được vai trò đó, người điều dưỡng và hộ sinh cần phải có kiến thức và thực hành tốt về phòng ngừa té ngã cho người bệnh. Nghiên cứu tại bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Nam cho thấy tỷ lệ điều dưỡng có kiến thức về phòng ngừa té ngã không đạt còn khá cao 61,7%, đa số điều dưỡng có điểm thực hành ở mức không đạt 82,9% [5].

Bệnh viện đa khoa Hùng Vương đã trải qua gần 15 năm hình thành và phát triển với đội ngũ cán bộ y tế vững chắc về chuyên môn, ứng dụng kỹ thuật cao, đổi mới trong điều trị và chăm sóc để hướng tới sự hài lòng của người bệnh. Bệnh viện luôn chú trọng công tác an toàn người bệnh, trong đó có phòng ngừa té ngã. Với mong muốn có được số liệu cụ thể về kiến thức, thực hành phòng ngừa té ngã cho người bệnh làm bằng chứng cho hoạt động đảm bảo an toàn người bệnh của điều dưỡng và hộ sinh tại bệnh viện và cho đến nay, tại bệnh viện chưa có nghiên cứu nào về lĩnh vực này, từ thực tế đó, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài “*Thực trạng kiến thức và thực hành của điều dưỡng và hộ sinh về phòng ngừa té ngã cho người bệnh tại Bệnh viện đa khoa Hùng Vương năm 2024*”.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu cắt ngang.

2.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

- Thời gian tiến hành: Từ tháng 3/2024 đến tháng 12/2024.

- Địa điểm nghiên cứu: tại 9 khoa lâm sàng của Bệnh viện đa khoa Hùng Vương gồm: chuyên ngành ngoại khoa (khoa Ngoại tổng hợp, khoa Ngoại tổng hợp 2, khoa Chấn thương chỉnh hình, khoa Ung bướu và chăm sóc giảm nhẹ), chuyên ngành nội khoa (khoa Y học cổ truyền và phục hồi chức năng, khoa Nội tổng hợp, khoa Tim mạch, khoa Hồi sức cấp cứu) và chuyên ngành phụ sản (khoa Phụ sản).

2.3. Đối tượng nghiên cứu: Là các điều dưỡng viên và hộ sinh đang công tác tại Bệnh viện đa khoa Hùng Vương đáp ứng các tiêu chí lựa chọn sau:

- *Tiêu chuẩn lựa chọn*

+ Điều dưỡng và hộ sinh trực tiếp chăm sóc người bệnh tại các khoa lâm sàng của Bệnh viện.

+ Có thời gian làm việc tại Bệnh viện từ 1 năm trở lên.

+ Đồng ý tham gia nghiên cứu.

- *Tiêu chuẩn loại trừ*

+ Những điều dưỡng và hộ sinh đi học, nghỉ thai sản, nghỉ ốm, nghỉ phép dài hạn trong thời gian nghiên cứu.

2.4. Cỡ mẫu, chọn mẫu

- Cỡ mẫu: Chọn toàn bộ điều dưỡng và hộ sinh đáp ứng tiêu chí lựa chọn.

2.5. Biến số nghiên cứu

- Biến số độc lập: Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu: tuổi, giới, trình độ chuyên môn, loại hình đào tạo, thâm niên công tác, khoa phòng công tác, số người bệnh chăm sóc/ngày, học về phòng té ngã trong thời gian học tập tại trường y, cập nhật kiến thức về phòng ngừa té ngã, hình thức cập nhật, quan tâm đến phòng ngừa té ngã, nhu cầu tập huấn.

- Biến số phụ thuộc: Biến số về kiến thức gồm 13 câu hỏi nhằm thu thập thông tin về kiến thức của điều dưỡng và hộ sinh về phòng ngừa té ngã. Biến số về thực hành gồm 26 câu nhằm tìm hiểu về thực hành của đối tượng nghiên cứu về phòng ngừa té ngã.

2.6. Kỹ thuật, công cụ và quy trình thu thập số liệu

- *Công cụ thu thập số liệu:*

Bộ công cụ bao gồm 3 phần:

+ Phần A thông tin chung về điều dưỡng và hộ sinh.

+ Phần B kiến thức về phòng ngừa té ngã. Bộ câu hỏi phần kiến thức được xây dựng dựa trên tài liệu “Preventing Falls in Hospitals: A Toolkit for Improving Quality of Care” do Tổ chức Nghiên cứu Y tế và Chất lượng Hoa Kỳ (AHRQ) ban hành. Trong đó biểu mẫu 2E là phần đánh giá kiến thức về té ngã dành cho điều dưỡng viên và hộ sinh (2E: Fall Knowledge Test) bao gồm 13 câu hỏi, bộ câu hỏi đã được thử nghiệm và đảm bảo độ tin cậy (Cronbach’s Alpha = 0,81) [6]. Mỗi câu có thể có nhiều hơn một phương án trả lời đúng. Tổng cộng có 33 ý trả lời đúng tương đương 33 điểm. Trả lời đúng 1 ý, đối tượng nghiên cứu đạt 1 điểm, sai 0 điểm. Sau đó, tính tổng số điểm và phân mức độ kiến thức thành 2 phân loại đạt và chưa đạt như một số nghiên cứu trước đây đã thực hiện với đạt ≥ 17 điểm ($\geq 50\%$ tổng số điểm) và chưa đạt < 17 điểm ($< 50\%$ tổng số điểm) [5].

Bộ công cụ để đánh giá kiến thức gồm 3 phần: Nguyên nhân và các yếu tố nguy cơ té ngã, Đánh giá nguy cơ té ngã, Biện pháp dự phòng té ngã.

+ Phần C: Thực hành phòng ngừa té ngã (Các hoạt động đánh giá nguy cơ té ngã, hoạt động dự phòng

té ngã, hoạt động quản lý té ngã cho người bệnh).

Bộ công cụ đánh giá thực hành của điều dưỡng và hộ sinh về phòng ngừa té ngã trong bệnh viện được xây dựng dựa trên tài liệu "Nursing Standard of Practice Protocol: Fall Prevention" của Deanna Gray-Miceli [7] và Quy trình quản lý ngã của Bệnh viện đa khoa Hùng Vương. Bộ công cụ gồm 26 câu hỏi chia thành 5 mức độ theo thang đo Likert: 1 = Không bao giờ thực hiện, 2 = Hiếm khi thực hiện, 3 = thỉnh thoảng thực hiện, 4 = Thường xuyên thực hiện, 5 = Luôn luôn/liên tục thực hiện. Bộ công cụ sau khi được chuyển ngữ được đánh giá độ tin cậy bằng kiểm định Cronbach Alpha >0,8 [8]. Điểm tối đa đánh giá ở mỗi hoạt động thực hành là 5 điểm tương ứng với mức 5. Kết quả đánh giá thực hành có 2 mức độ là đạt và không đạt. Thực hành đạt nếu >78/130 điểm (> 60% tổng số điểm), thực hành chưa đạt nếu ≤78/130 điểm (≤60% tổng số điểm).

- *Quy trình thu thập số liệu:* Sau khi đề cương được xét duyệt thông qua bởi Hội đồng khoa học Bệnh viện, nghiên cứu viên gặp điều dưỡng và hộ sinh sau các buổi giao ban khoa tại phòng hành chính, trình bày, giải thích nghiên cứu và mời họ tham gia nghiên cứu. Nghiên cứu viên phát bảng câu hỏi, hướng dẫn đối tượng nghiên cứu trả lời, sau đó thu lại, kiểm tra tính đầy đủ của phiếu, nếu thiếu gửi lại phiếu để đối tượng nghiên cứu hoàn thiện.

2.7. Xử lý và phân tích số liệu

Số liệu sau khi làm sạch được nhập vào máy tính phân tích bằng phần mềm SPSS phiên bản 25.0. Các biến mô tả được trình bày bằng bảng và biểu đồ dưới dạng tần số và tỷ lệ phần trăm. Kiểm định Chi-square và hồi quy logistic được sử dụng để xác định mối liên quan giữa các biến với mức ý nghĩa $p < 0,05$. Kết quả phân tích hồi quy được trình bày dưới dạng Odds Ratio (OR) với khoảng tin cậy 95% (95%CI).

2.8. Đạo đức nghiên cứu:

Nghiên cứu được thông qua Hội đồng khoa học Bệnh viện theo Quyết định số 957/2024/QĐ-HĐKH và sự đồng ý tự nguyện của đối tượng nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ

3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

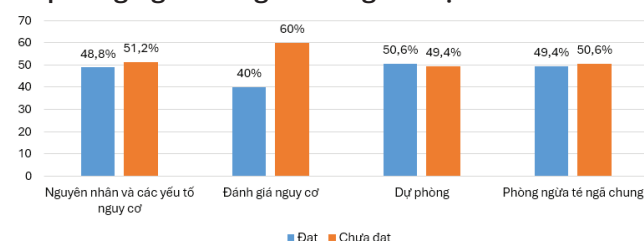
Bảng 1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu (n=160)

Nội dung		Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Tuổi: Mean±SD (min – max)		30,06±4,82 (23 – 42)	
Nhóm tuổi	<30	74	46,3
	30 - 35	63	39,4
	>35	23	14,4
Giới tính	Nam	44	27,5
	Nữ	116	72,5
Trình độ chuyên môn	Trung cấp	46	28,7
	Cao đẳng	62	38,8
	Đại học và sau đại học	52	32,6
Loại hình đào tạo	Chính quy	124	77,5
	Liên thông	36	22,5
Thâm niên công tác	< 5 năm	64	40,0
	Từ 5 - 10 năm	65	40,6
	> 10 năm	31	19,4
Khoa phòng công tác	Chuyên ngành ngoại khoa	49	30,6
	Chuyên ngành nội khoa	91	56,9
	Chuyên ngành phụ sản	20	12,5
Số người bệnh chăm sóc/ngày	≤ 8	41	25,6
	> 8	119	74,4
Đã học về phòng té ngã	Có	138	86,3
	Không	22	13,7
Cập nhật kiến thức về phòng té ngã	Có	147	91,9
	Không	13	8,1
Quan tâm đến phòng té ngã	Rất quan tâm	69	43,1
	Quan tâm	77	48,1
	Bình thường	14	8,8
Nhu cầu tập huấn về phòng té ngã	Có	150	93,8
	Không	10	6,2

Nghiên cứu được thực hiện trên 160 điều dưỡng và hộ sinh. Các điều dưỡng và hộ sinh đa số là các cán bộ trẻ, cụ thể độ tuổi trung bình là $30,06 \pm 4,82$, nhóm tuổi dưới 30 chiếm tỷ lệ cao nhất là 46,3%. Về giới tính có sự chênh lệch rõ rệt giữa 2 giới, giới tính nữ chiếm 72,5%, trình độ chuyên môn là cao đẳng trở lên chiếm 71,4%, loại hình đào tạo chính quy chiếm đa số 77,5%, thâm niên công tác phân bố đều giữa 2 nhóm dưới 5 năm và từ 5 đến 10 năm, chỉ có 19,4% thâm niên trên 10 năm.

Phân bố về khoa phòng công tác công tác cho thấy 56,9% đối tượng thuộc chuyên ngành nội khoa chiếm tỷ lệ cao nhất, có đến 74,4% đối tượng nghiên cứu chăm sóc trên 8 người bệnh/ngày. 86,3% điều dưỡng và hộ sinh đã được học về phòng ngừa tại trường y, tỷ lệ điều dưỡng và hộ sinh có được cập nhật kiến thức sau khi tốt nghiệp tới 91,9%, tỷ lệ điều dưỡng và hộ sinh quan tâm, rất quan tâm đến phòng ngừa là 48,1% và 43,1%, đa số đối tượng nghiên cứu có nhu cầu tập huấn về phòng ngừa với tỷ lệ 93,8%.

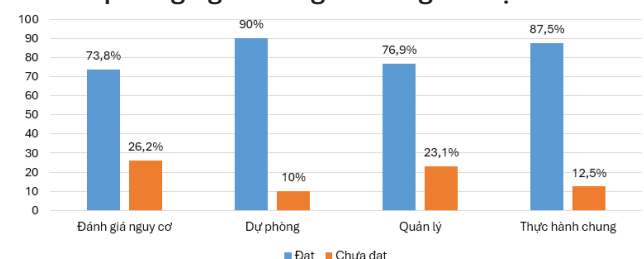
3.2. Thực trạng kiến thức của đối tượng nghiên cứu về phòng ngừa té ngã cho người bệnh



Biểu đồ 1. Phân loại về kiến thức phòng ngừa té ngã

Biểu đồ 1 cho thấy kiến thức về nguyên nhân và các yếu tố nguy cơ đạt chiếm tỷ lệ 48,8%, kiến thức về đánh giá nguy cơ đạt chiếm tỷ lệ 40%, kiến thức về dự phòng đạt là 50,6%, kiến thức chung về phòng ngừa té ngã đạt với tỷ lệ là 49,4%, điểm trung bình kiến thức chung là $16,7 \pm 6,5$.

3.3. Thực trạng thực hành của đối tượng nghiên cứu về phòng ngừa té ngã cho người bệnh



Biểu đồ 2. Phân loại về thực hành phòng ngừa té ngã

Qua biểu đồ 2 cho thấy thực hành về đánh giá nguy cơ đạt chiếm tỷ lệ 73,8%, thực hành về dự phòng đạt chiếm tỷ lệ 90%, thực hành về quản lý đạt với tỷ lệ 76,9%. Thực hành chung về phòng ngừa té ngã phần lớn là đạt với tỷ lệ 87,5%, điểm trung bình thực hành chung là $3,81 \pm 0,63$.

3.3. Một số yếu tố liên quan đến kiến thức và thực hành của đối tượng nghiên cứu về phòng ngừa té ngã cho người bệnh

Bảng 2. Mối liên quan giữa đặc điểm nhân khẩu học của đối tượng nghiên cứu với kiến thức về phòng ngừa té ngã cho người bệnh (n= 160)

Biến số				
Đặc tính	Kiến thức		OR (95%CI)	p
	Đạt N (%)	Chưa đạt N (%)		
Nhóm tuổi				
<30	38 (51,4%)	36 (48,6%)	1.24 (0,63-2,43)	0,535
30 – 35*	29 (46,0%)	34 (54,0%)	1	
>35	12 (52,2%)	11 (47,8%)	1,28 (0,49-3,33)	0,614
Giới tính				
Nam	24 (54,5%)	20 (45,5%)	1,33 (0,66-2,67)	0,420
Nữ	55 (47,4%)	61 (52,6%)		
Trình độ chuyên môn				
Trung cấp*	26 (56,5%)	20 (43,5%)	1	
Cao đẳng	27 (43,5%)	35 (56,5%)	0,59 (0,28-1,28)	0,184
Đại học và SĐH	26 (50%)	26 (50%)	0,77 (0,35-1,71)	0,519
Loại hình đào tạo				
Chính quy	67 (54,0%)	57 (46,0%)	2,35 (1,08-5,12)	0,029
Liên thông	12 (33,3%)	24 (66,7%)		
Thâm niên công tác				
< 5 năm	33 (51,6%)	31 (48,4%)	1,41 (0,70-2,82)	0,335
Từ 5 - 10 năm*	28 (43,1%)	37 (56,9%)	1	
> 10 năm	18 (58,1%)	13 (41,9%)	1,83 (0,77-4,35)	0,172

Ghi chú (*): nhóm chứng

Bảng 3.2 cho thấy có mối liên quan giữa loại hình đào tạo của đối tượng nghiên cứu với kiến thức phòng ngừa té ngã cho người bệnh ($p < 0,05$).

Bảng 3. Mối liên quan giữa đặc điểm chuyên môn của đối tượng nghiên cứu với kiến thức về phòng ngừa té ngã cho người bệnh (n=160)

Biến số				
Đặc tính	Kiến thức		OR (95%CI)	p
	Đạt N (%)	Chưa đạt N (%)		
Khoa phòng công tác				
Chuyên ngành ngoại khoa	27 (55,1%)	22 (44,9%)	4,91 (1,43-16,83)	0,011
Chuyên ngành nội khoa	48 (52,7%)	43 (47,3%)	4,47 (1,39-14,39)	0,012
Chuyên ngành phụ sản*	4 (20,0%)	16 (80,0%)	1	
Số người bệnh chăm sóc/ngày				
≤8	23 (56,1%)	18 (43,9%)	1,44 (0,70-2,94)	0,318
>8	56 (47,1%)	63 (52,9%)		
Đã học về phòng té ngã				
Có	69 (50,0%)	69 (50,0%)	1,20 (0,49-2,96)	0,692
Không	10 (45,5%)	12 (54,5%)		
Cập nhật kiến thức tại các lớp tập huấn				
Có	31 (47,0%)	35 (53,0%)	0,85 (0,45-1,59)	0,610
Không	48 (51,1%)	46 (48,9%)		
Cập nhật kiến thức bằng trao đổi với đồng nghiệp				
Có	38 (64,4%)	21 (35,6%)	2,65 (1,36-5,15)	0,004
Không	41 (40,6%)	60 (59,4%)		

Biến số				
Đặc tính	Kiến thức		OR (95%CI)	p
	Đạt N (%)	Chưa đạt N (%)		
Cập nhật kiến thức qua phương tiện truyền thông				
Có	55 (73,3%)	20 (26,7%)	6,99 (3,48-14,03)	0,000
Không	24 (28,2%)	61 (71,8%)		
Cập nhật kiến thức qua sinh hoạt chuyên môn				
Có	32 (57,1%)	24 (42,9%)	1,62 (0,84-3,11)	0,149
Không	47 (45,2%)	57 (54,8%)		
Cập nhật kiến thức qua hình thức khác				
Có	1 (12,5%)	7 (87,5%)	0,14 (0,02-1,13)	0,064
Không	78 (51,3%)	74 (48,7%)		
Quan tâm đến phòng té ngã				
Rất quan tâm	35 (50,7%)	34 (49,3%)	1,03 (0,33-3,25)	0,961
Quan tâm	37 (48,1%)	40 (51,9%)	0,93 (0,30-2,89)	0,893
Bình thường*	7 (50,0%)	7 (50,0%)	1	
Có nhu cầu tập huấn về phòng té ngã				
Có	77 (51,3%)	73 (48,7%)	4,22 (0,87-20,53)	0,099
Không	2 (20,0%)	8 (80,0%)		

Ghi chú (*): nhóm chứng

Bảng 3 cho thấy có mối liên quan giữa khoa phòng công tác, cập nhật kiến thức bằng hình thức trao đổi với đồng nghiệp và cập nhật kiến thức qua phương tiện truyền thông của đối tượng nghiên cứu với kiến thức phòng té ngã cho người bệnh ($p < 0,05$).

Bảng 4. Mối liên quan giữa đặc điểm nhân khẩu học của đối tượng nghiên cứu với thực hành về phòng ngừa té ngã cho người bệnh (n=160)

Biến số				
Đặc tính	Thực hành		OR (95%CI)	p
	Đạt N (%)	Chưa đạt N (%)		
Nhóm tuổi				
<30	66 (89,2%)	8 (10,8%)	1,75 (0,66-4,65)	0,266
30 – 35*	52 (82,5%)	11 (17,5%)	1	
>35	22 (95,7%)	1 (4,3%)	4,65 (0,57-38,27)	0,153
Giới tính				
Nam	39 (88,6%)	5 (11,4%)	1,16 (0,39-3,40)	0,79
Nữ	101 (87,1%)	15 (12,9%)		
Trình độ chuyên môn				
Trung cấp*	38 (82,6%)	8 (17,4%)	1	
Cao đẳng	58 (93,5%)	4 (6,5%)	3,05 (0,86-10,85)	0,085
Đại học và SĐH	44 (84,6%)	8 (15,4%)	1,16 (0,40-3,38)	0,789
Loại hình đào tạo				
Chính quy	109 (87,9%)	15 (12,1%)	1,17 (0,40-3,48)	0,778
Liên thông	31 (86,1%)	5 (13,9%)		
Thâm niên công tác				
< 5 năm	57 (89,1%)	7 (10,9%)	1,31 (0,46-3,76)	0,617
Từ 5 - 10 năm*	56 (86,2%)	9 (13,8%)	1	
> 10 năm	27 (87,1%)	4 (12,9%)	1,09 (0,31-3,84)	0,900

Ghi chú (*): nhóm chứng

Nhận xét: Bảng 4 cho thấy không có mối liên quan giữa nhóm tuổi, giới tính, trình độ chuyên môn, loại hình đào tạo và thâm niên công tác với thực hành của điều dưỡng và hộ sinh về phòng ngừa té ngã cho người bệnh ($p>0,05$).

Bảng 5. Mối liên quan giữa đặc điểm chuyên môn của đối tượng nghiên cứu với thực hành về phòng ngừa té ngã cho người bệnh (n=160)

Biến số				
Đặc tính	Thực hành		OR (95%CI)	p
	Đạt N (%)	Chưa đạt N (%)		
Khoa phòng công tác				
Chuyên ngành ngoại khoa*	39 (79,6%)	10 (20,4%)	1	
Chuyên ngành nội khoa	84 (92,3%)	7 (7,7%)	3,08 (1,09-8,69)	0,034
Chuyên ngành phụ sản	17 (85,0%)	3 (15,0%)	1,45 (0,36-5,95)	0,604
Số người bệnh chăm sóc/ngày				
≤8	41 (100,0%)	0 (0,0%)		0,005
>8	99 (83,2%)	20 (16,8%)		
Đã học về phòng té ngã				
Có	123 (89,1%)	15 (10,9%)	2,41 (0,78-7,48)	0,158
Không	17 (77,3%)	5 (22,7%)		
Cập nhật kiến thức tại các lớp tập huấn				
Có	60 (90,9%)	6 (9,1%)	1,75 (0,64-4,82)	0,275
Không	80 (85,1%)	14 (14,9%)		
Cập nhật kiến thức bằng trao đổi với đồng nghiệp				
Có	54 (91,5%)	5 (8,5%)	1,88 (0,65-5,48)	0,239
Không	86 (85,1%)	15 (14,9%)		
Cập nhật kiến thức qua phương tiện truyền thông				
Có	70 (93,3%)	5 (6,7%)	3,00 (1,03-8,70)	0,036
Không	70 (82,4%)	15 (17,6%)		

Biến số				
Đặc tính	Thực hành		OR (95%CI)	p
	Đạt N (%)	Chưa đạt N (%)		
Cập nhật kiến thức qua sinh hoạt chuyên môn				
Có	54 (96,4%)	2 (3,6%)	5,65 (1,26-25,33)	0,012
Không	86 (82,7%)	18 (17,3%)		
Cập nhật kiến thức qua hình thức khác				
Có	7 (87,5%)	1 (12,5%)	1,00 (0,12-8,58)	1,000
Không	133 (87,5%)	19 (12,5%)		
Quan tâm đến phòng té ngã				
Rất quan tâm	63 (91,3%)	6 (8,7%)	4,20 (1,01-17,56)	0,049
Quan tâm	67 (87,0%)	10 (13,0%)	2,68 (0,70-10,20)	0,148
Bình thường*	10 (71,4%)	4 (28,6%)	1	
Có nhu cầu tập huấn về phòng té ngã				
Có	132 (88,0%)	18 (12,0%)	1,83 (0,36-9,32)	0,363
Không	8 (80,0%)	2 (20,0%)		

Ghi chú (*): nhóm chứng

Nhận xét: Bảng 5 cho thấy có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa khoa phòng công tác, số người bệnh chăm sóc trên ngày, cập nhật kiến thức qua phương tiện truyền thông, cập nhật kiến thức qua sinh hoạt chuyên môn, mức độ quan tâm đến phòng té ngã với thực hành của điều dưỡng và hộ sinh về phòng ngừa té ngã ($p < 0,05$).

Bảng 6. Mối liên quan giữa kiến thức và thực hành của đối tượng nghiên cứu về phòng ngừa té ngã cho người bệnh (n=160)

Kiến thức	Thực hành		OR (95%CI)	p
	Đạt N (%)	Chưa đạt N (%)		
Đạt	70 (88,6%)	9 (11,4%)	1,22 (0,48-3,13)	0,676
Chưa đạt	70 (86,4%)	11 (13,6%)		

Nhận xét: Bảng 6 cho thấy không tìm thấy mối liên quan giữa kiến thức và thực hành về phòng ngừa té ngã cho người bệnh ($p > 0,05$).

4. BÀN LUẬN

4.1. Kiến thức của đối tượng nghiên cứu về phòng ngừa té ngã cho người bệnh

Kết quả đánh giá kiến thức chung về phòng ngừa té ngã cho người bệnh của điều dưỡng và hộ sinh trong nghiên cứu của chúng tôi cho thấy điểm trung bình kiến thức chung là $16,7 \pm 6,5$, tỷ lệ điều dưỡng và hộ sinh có kiến thức chung đạt là 49,4%. Khi so sánh với các nghiên cứu trong nước, nghiên cứu của chúng tôi cao hơn so với nghiên cứu năm 2019 của tác giả Nguyễn Thị Thúy có cùng thang đo là 38,3% trước can thiệp [5]. Kết quả của chúng tôi thấp hơn so với nghiên cứu của tác giả Đinh Thị Thu Hằng tại bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định năm 2020 là 56,5% [8] và tác giả Nguyễn Ngọc Ánh tại bệnh viện đa khoa Quốc tế Vinmec năm 2023 là 81% [9]. Bên cạnh đó, khi so sánh với nghiên cứu nước ngoài, nghiên cứu của chúng tôi cho kết quả tương đồng với kết quả nghiên cứu của tác giả Mi-young Cho là 48,9% [10]. Sự khác biệt của kết quả nghiên cứu này so với một số nghiên cứu khác có thể do sự sai khác giữa các nhóm đối tượng nghiên cứu. Các nghiên cứu trước đây thường được triển khai trong môi trường bệnh viện công lập do vậy kiến thức hay cả các chương trình tập huấn về phòng ngừa té ngã của điều dưỡng có những khác biệt. Nhìn chung, nghiên cứu của chúng tôi có tỷ lệ điều dưỡng và hộ sinh có kiến thức ở mức độ đạt còn hạn chế. Điều này nhấn mạnh bệnh viện cần có các chương trình tập huấn và đào tạo cho điều dưỡng và hộ sinh kiến thức về phòng ngừa té ngã cho người bệnh.

4.2. Thực hành của đối tượng nghiên cứu về phòng ngừa té ngã cho người bệnh

Một trong những vai trò của điều dưỡng và hộ sinh là giúp người bệnh học cách tự chăm sóc bản thân từ đó có thể phòng ngừa được bệnh tật, đảm bảo sức khỏe. Khi người bệnh vào khoa, việc đầu tiên là điều dưỡng cần đánh giá nguy cơ té ngã để từ đó có những biện pháp phòng ngừa phù hợp.

Kết quả đạt thực hành trong nghiên cứu của chúng tôi là 87,5% cao hơn nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Thúy là 17,1% [5]. Nguyên nhân có thể do trong nghiên cứu của họ thực hiện đánh giá thực hành bằng quan sát trực tiếp và sử dụng bảng kiểm. Nghiên cứu của chúng tôi có tỷ lệ thực hành đạt cũng cao hơn của tác giả Đinh Thị Thu Hằng là 48,8% [8]. Điều này có thể lý giải do trong nghiên cứu của chúng tôi tỷ lệ điều dưỡng và hộ sinh sau khi tốt nghiệp đến nay đã được cập nhật kiến thức về phòng ngừa té ngã lên đến 91,9% bằng nhiều hình thức cập nhật khác nhau và phương châm của bệnh viện luôn

đề cao an toàn của người bệnh lên hàng đầu.

Như vậy, thực hành của điều dưỡng và hộ sinh về phòng ngừa té ngã cho người bệnh ở mức khá tốt. Trong đó, thực hành về đánh giá nguy cơ (73,8%) và quản lý té ngã (76,9%) có tỷ lệ thấp hơn dự phòng té ngã (90%). Đây là căn cứ hữu ích cho các chương trình đào tạo, tập huấn.

4.3. Các yếu tố liên quan đến kiến thức và thực hành của đối tượng nghiên cứu về phòng ngừa té ngã

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi tương đồng với kết quả nghiên cứu của tác giả Nguyễn Ngọc Ánh [9] cũng tìm ra mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa loại hình đào tạo với kiến thức phòng té ngã với $OR=2,35$; $p=0,029$. Nghiên cứu này tương đồng với nghiên cứu của Nguyễn Thị Thúy [5] chỉ ra có mối liên quan giữa khoa phòng công tác, có cập nhật kiến thức với kiến thức phòng té ngã của điều dưỡng, nhóm điều dưỡng được cập nhật bằng trao đổi với đồng nghiệp và qua phương tiện truyền thông cao hơn nhóm không được cập nhật. Do đó, đào tạo cho điều dưỡng qua các kênh này là rất cần thiết để tăng cường kiến thức.

Nghiên cứu của chúng tôi chỉ ra có mối liên quan giữa khoa phòng công tác và thực hành phòng ngừa té ngã với $OR=3,08$; $p=0,034$. Kết quả này khác với nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Thúy lại không ghi nhận [5]. Sự khác biệt có thể do đặc trưng của bệnh nội khoa thường là các bệnh mạn tính và thời gian nằm viện dài hơn, do đó quá trình theo dõi, giám sát của điều dưỡng với người bệnh trở lên chi tiết hơn, vì thế có thực hành tốt hơn. Nghiên cứu chỉ ra có mối liên quan giữa số người bệnh chăm sóc/ngày với thực hành phòng té ngã. Nhóm chăm sóc từ 8 người bệnh trở xuống có khả năng thực hành đạt cao hơn rất nhiều so với nhóm chăm sóc trên 8 người bệnh/ngày. Khác với các nghiên cứu khác không tìm ra mối liên quan giữa số lượng người bệnh chăm sóc/ngày. Sự khác biệt này có thể do sự phân chia nhóm số lượng người bệnh của nghiên cứu chúng tôi khác với các nghiên cứu khác và do số lượng người bệnh chăm sóc ít hơn nên có thể điều dưỡng và hộ sinh thực hiện chăm sóc toàn diện cho người bệnh ở mức cao hơn, trong đó có thực hành về phòng ngừa té ngã. Nghiên cứu cũng tìm ra mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa thực hành phòng ngã và cập nhật kiến thức qua phương tiện truyền thông ($OR=3$; $p=0,036$) và cập nhật kiến thức qua sinh hoạt chuyên môn ($OR=5,65$; $p=0,012$), do đó cũng cần tăng đào tạo thực hành về phòng ngã qua hai hình thức này. Trong nghiên cứu cũng chỉ ra có mối liên quan giữa mức độ quan tâm đến phòng té ngã với thực hành. Phát hiện này hoàn toàn phù hợp vì những đối tượng thật sự rất quan tâm đến té ngã họ sẽ tự tìm hiểu các biện pháp phòng ngừa té ngã để thực hành có hiệu quả với nhóm chỉ quan tâm ở mức độ bình thường.

Nghiên cứu của chúng tôi tương đồng với nghiên cứu của Mi-young Cho [10] không tìm thấy mối liên quan giữa kiến thức và thực hành. Nguyên nhân có thể do điều dưỡng và hộ sinh thường ưu tiên học thực hành hơn lý thuyết, thực hành được duy trì chủ yếu dựa trên kinh nghiệm lâm sàng và thói quen làm việc. Tuy nhiên khi xuất hiện các yếu tố nguy cơ mới như người bệnh có rối loạn ý thức đột ngột, thay đổi môi trường điều trị..., điều dưỡng và hộ sinh có thể không kịp nhận diện nguy cơ và áp dụng biện pháp phù hợp nếu kiến thức không vững.

5. KẾT LUẬN

Điều dưỡng và hộ sinh có kiến thức đạt về phòng ngừa té ngã tương đối hạn chế, tỷ lệ đạt về thực hành về phòng ngừa té ngã là chấp nhận được. Kiến thức có liên quan đến loại hình đào tạo, khoa phòng công tác, hình thức cập nhật. Thực hành có liên quan đến khoa phòng công tác, số người bệnh chăm sóc/ngày, hình thức cập nhật và mức độ quan tâm đến phòng té ngã. Việc nâng cao kiến thức và thực hành đối với đội ngũ điều dưỡng và hộ sinh là rất cần thiết thông qua các chương trình tập huấn ngắn hạn hoặc liên tục. Đồng thời cơ sở y tế cần có các trang thiết bị cảnh báo nguy cơ ngã phù hợp với từng đặc thù của khoa/phòng, thiết kế các chương trình đào tạo lồng ghép mô phỏng lâm sàng và xây dựng hệ thống giám sát té ngã qua chỉ số chất lượng điều dưỡng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Tổ chức Y tế thế giới (WHO). Falls. 2021. <http://www.who.int/news-room/fact-sheets/detail/falls>.
- [2] Wong C, Recktenwald A, Jones M et al. The cost of serious fall-related injuries at three Midwestern hospitals. Joint Commission Journal on Quality and Patient Safety. 2011;37(2):81-87.
- [3] Vũ Ngô Thanh Huyền, Trần Thị Khánh Linh, Faye Hummel. Nguy cơ té ngã ở người bệnh cao tuổi điều trị nội trú và các yếu tố liên quan. Y học Thành phố Hồ Chí Minh. 2019;23(5):33-139.
- [4] NICE. Falls: Assessment and Prevention of Falls in Older People. Clinical guideline 161. Manchester: NICE; 2013.
- [5] Nguyễn Thị Thúy. Thay đổi kiến thức, thực hành về phòng ngừa té ngã cho người bệnh của Điều dưỡng viên tại một số khoa lâm sàng Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Nam năm 2019 [Luận văn Thạc sĩ]. Nam Định: Đại học Điều dưỡng Nam Định; 2019.
- [6] Agency for Healthcare Research and Quality. Preventing Fall in Hospitals: A Toolkit for Improving Quality of Care. 2013. Publication No. 13-0015-EF:119-122.

- [7] Deanna G, Patricia A.Q. Nursing Standard of Practice Protocol: Fall Prevention. Springer Publishing Company; 2012.
- [8] Đinh Thị Thu Hằng. Thực trạng kiến thức và thực hành của điều dưỡng về phòng ngừa ngã cho người bệnh tại bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định năm 2020 [Luận văn Thạc sĩ]. Nam Định: Đại học Điều dưỡng Nam Định; 2020.
- [9] Nguyễn Ngọc Ánh và cộng sự. Kiến thức về dự phòng ngã của điều dưỡng viên cho người bệnh tại Bệnh viện Đa khoa Quốc Tế Vinmec Times City năm 2023. Tạp chí Khoa học Điều dưỡng. 2023;6(06):109-117.
- [10] Cho M-Y, Jang SJ. Nurese' knowledge, attitude, and fall prevention practices at south Korean hosoiatls: a cross-sectional survey. BMC Nurs. 2020 Nov 24;19(1):108. doi:10.1186/s12912-020-00507-w.